

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 242/2026/HNGĐ-ST

Ngày: 09/9/2026

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 12 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Cư.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thế Ngọc Châu;

Bà Trần Thị Thùy Linh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Hồng Tân – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp.

Trong các ngày 21/8/2026, 09/9/2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 215/2026/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2026 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 443/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 463/2026/QĐST-HNGĐ ngày 21 tháng 8 năm 2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Dương Thị C, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Văn U, sinh năm 1978.

Địa chỉ: Ấp T, xã A, tỉnh Đồng Tháp.

(Chị C có đơn xin vắng mặt, anh U vắng mặt lần thứ hai không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo lời trình bày của nguyên đơn Dương Thị C: Vào năm 2002, sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị C và anh U được hai bên gia đình chấp thuận và tổ chức lễ cưới cho chị C và anh U về chung sống với nhau, đến ngày 10/08/2004 chị C và anh U mới đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Tháp). Trong quan hệ hôn nhân chị C và anh U có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/07/2003, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/04/2007 và Nguyễn Thị Cẩm V,

sinh ngày 18/09/2013, hiện H và T đều đã thành niên và có khả năng lao động còn V thì đang sống chung với anh U. Chị C và anh U chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C và anh U không còn hòa hợp trong cuộc sống, khác quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, sau nhiều lần như vậy chị C cảm thấy rất mệt mỏi nên đã ly thân với anh U từ đầu năm 2019 đến nay, trong thời gian ly thân thì chị C và anh U cũng không hàn gắn tình cảm lại được. Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, có hàn gắn sống chung lại cũng không hạnh phúc nên chị C khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết những vấn đề sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn U vì tình cảm vợ chồng không còn.

- Về con chung: Đối với 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/07/2003 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/04/2007 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết. Còn con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 18/09/2013 (hiện đang sống chung với anh U) thì chị C đồng ý tự nguyện giao cho anh U trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Bị đơn Nguyễn Văn U*: Đã được Tòa án tổng đạt và triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do, cũng không có gửi văn bản ý kiến cho Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo nội dung vụ án đã được nêu ở trên thì xác định đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 12 – Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn Dương Thị C có đơn xin vắng mặt, bị đơn Nguyễn Văn U đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do nên vẫn tiến hành xét xử là phù hợp với quy định tại các điều 227, 228, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh U sống chung có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 166, quyền số 01/2004, ngày 10/08/2004 của Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (nay là Ủy ban nhân dân xã P, tỉnh Đồng Tháp) nên hôn nhân của chị C và anh U là hợp pháp.

Chị C trình bày chị C và anh U chung sống hạnh phúc đến cuối năm 2018 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do chị C và anh U không còn hòa hợp trong cuộc sống, khác quan điểm sống nên thường xuyên cự cãi nhau, sau nhiều lần như vậy chị C cảm thấy rất mệt mỏi nên đã ly thân với anh U từ đầu năm 2019 đến

nay, trong thời gian ly thân thì chị C và anh U cũng không hàn gắn tình cảm lại được nên chị C khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh U. Tòa án đã 02 lần thông báo hòa giải đoàn tụ nhưng anh U không đến Tòa án để hòa giải, điều này thể hiện ý chí của anh U không muốn Tòa án hòa giải cho vợ chồng chị C và anh U đoàn tụ về sống chung lại, trong khi chị C thì cương quyết ly hôn với anh U.

Xét thấy quan hệ hôn nhân của vợ chồng chị C và anh U đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của chị C là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị C.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh U có 03 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/07/2003, Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/04/2007 và Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 18/09/2013. Nay ly hôn đối với 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/07/2003 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/04/2007 hiện đều đã thành niên và có khả năng lao động nên chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết, đối với con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 18/09/2013 thì chị C đồng ý tự nguyện giao anh U được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị C trình bày cháu V đang sống chung với anh U, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ nhưng anh U không đến Tòa án để làm việc, cũng không dẫn cháu V đến để Tòa án ghi ý kiến về nguyện vọng được sống chung với cha hoặc mẹ khi cha mẹ ly hôn và anh U cũng không có ý kiến phản đối với yêu cầu của chị C nên chấp nhận yêu cầu của chị C, giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 18/09/2013 cho anh U được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; chị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; anh U cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; chị C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị C theo quy định tại các điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C không tự nguyện cấp dưỡng, anh U không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu, anh U không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án quy định: “*Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn*”, vì vậy chị Dương Thị C phải chịu 300.000 đồng án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006437 ngày 04/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Dương Thị C đã nộp đủ án phí. Anh Nguyễn Văn U không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các điều 5, 28, 35, 39, 91, 92, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 9, 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ vào Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa XIV quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Dương Thị C.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Dương Thị C được ly hôn với anh Nguyễn Văn U.

2. Về con chung:

- 02 con chung tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 13/07/2003 và Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 04/04/2007 hiện nay đều đã thành niên và có khả năng lao động, chị Dương Thị C không yêu cầu, anh Nguyễn Văn U không có ý kiến nên không xem xét giải quyết.

- Giao con chung tên Nguyễn Thị Cẩm V, sinh ngày 18/09/2013 cho anh Nguyễn Văn U được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Dương Thị C có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Anh Nguyễn Văn U cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị Dương Thị C trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Chị Dương Thị C lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì anh Nguyễn Văn U có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của chị Dương Thị C.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Dương Thị C không tự nguyện cấp dưỡng, anh Nguyễn Văn U không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Chị Dương Thị C không yêu cầu, anh Nguyễn Văn U không có ý kiến nên không xem xét, giải quyết.

4. Về nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm: Chị Dương Thị C có nghĩa vụ chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0006437 ngày 04/05/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp, chị Dương Thị C đã nộp đủ án phí.

Anh Nguyễn Văn U không phải chịu án phí.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết lại theo thủ tục phúc

thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

Viện kiểm sát có quyền kháng nghị theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 4, 6 và 7 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 12 – Đồng Tháp;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã P (Giấy CNKH số 166, quyền số 01/2004, ngày 10/08/2004 của UBND xã P, huyện T cũ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn Cư